

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 22-6-2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Hồng và ông Nguyễn Văn Tuyền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Phương TH – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc: Ly hôn, Tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Cà Thị V; Sinh năm 1998; Nơi cư trú: Bản B (nay là bản Bông B1), xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

**Bị đơn:** Anh Lò Văn H; Sinh năm 1995; Nơi cư trú: Bản Ph, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị V vắng mặt có lý do, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 và bản tự khai ngày 09/3/2020, nguyên đơn chị Cà Thị V trình bày:*

**Về quan hệ hôn Nhân:** Chị Cà Thị V và anh Lò Văn H kết hôn với nhau ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Quài Tở, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị V và anh H kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị V và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Hiện tại chị V không còn tình cảm với anh H, vì vậy chị V xin được ly hôn với anh H.

**Về con chung:** Chị V khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thị Yến Nh, sinh ngày 26/12/2016. Hiện tại cháu Nh đang ở cùng với chị V ở bản Bông B1, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Nếu ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi cháu Nh thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:** Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 11/3/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn H nhưng anh H không có mặt ở nhà nên Tòa án đã giao trực tiếp cho bà Cà Thị S là mẹ của anh H. Bà S đã nhận Thông báo thụ lý vụ án và cam kết sẽ thông báo cho anh H được biết. Cùng ngày Tòa án tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu chứng cứ cho anh Lò Văn H tại Nhà văn hoá bản Phang, Trụ sở UBND xã CĐ và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG.

Qua xác minh thông tin của bà Cà Thị S (mẹ anh H) thì hiện tại anh H đang đi làm thuê, công việc và địa chỉ cụ thể anh H không báo cho gia đình biết nhưng vẫn liên lạc bằng điện thoại những lúc không ở nhà, anh H đi về thất thường theo công việc làm thuê không cố định việc cụ thể nhưng vẫn có hộ khẩu ở bản Ph, xã CĐ, huyện TG.

Đồng thời Tòa án tiến hành xác minh thông tin của ông Cà Văn S (Trưởng bản Ph, xã CĐ) và ông Phạm Viết Th (Trưởng Công an xã CĐ, huyện TG), ông S và ông Th đều cho biết: Anh Lò Văn H hiện tại không có mặt tại địa phương do đi làm thuê, công việc không ổn định đi về thất thường nhưng không khai báo tạm vắng, không cất chuyển khẩu đi đâu, hiện tại vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại Bản Ph, xã CĐ, huyện TG.

Anh H đã biết được việc chị V xin ly hôn qua việc thông báo của mẹ đẻ là bà Cà Thị S nhưng anh H cố tình không gửi cho Tòa án huyện TG văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị V.

Ngày 26/3/2020 đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc mở phiên họp đã được Tòa án niêm yết công khai tại Nhà văn hoá bản Ph, Ủy ban nhân dân xã CĐ và trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do. Tòa án nhân dân đã thông báo kết quả phiên họp và làm thủ tục niêm yết theo quy định

của pháp luật. Đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 16/4/2020 Chị V có giao nộp cho Tòa án 01 đơn viết tay đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị xác định không còn tình cảm với anh H và 01 đơn viết tay của chị có xác nhận xác nhận của UBND xã QT, huyện TG về mức thu nhập bình quân một tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Ngày 08/5/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 27/5/2020 mở phiên tòa và đã Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST – HNGĐ, ngày 27/5/2020 để đảm bảo quyền lợi cho anh H.

Việc anh H cố tình không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập không có mặt tại phiên tòa và được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền của mình khi tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện TG vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Chị V xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị V vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện. Chị V xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V, anh H.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V. Giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật:** Căn cứ đơn khởi kiện về việc Nguyên đơn chị Cà Thị V xin ly hôn với anh Lò Văn H và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn là anh Lò Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã Chiềng Đông, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3]. Về điều luật áp dụng:** Chị V và anh H kết hôn năm 2016, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết và xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân.

**[4]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị V và anh H kết hôn ngày 20/9/2016, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Quài Tở, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị V khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân của chị V và anh H là hợp pháp. Chị V có đơn xin ly hôn với anh H là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Tại các Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 11/3/2020 và ngày 27/3/2020, chính quyền địa phương cũng thừa nhận việc chị V và anh H có mâu thuẫn, chị V và con đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản Bông Ban, xã Quài Tở, huyện TG sinh sống. Chị V và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, anh H đã được gia đình thông báo về việc chị V xin ly hôn với anh. Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2020 bà Siển mẹ anh H cho biết “Việc ly hôn của anh H và chị V gia đình không tham gia, đây là việc của các con tôi”. Hiện tại anh H đang đi làm thuê, công việc và địa chỉ cụ thể anh H không báo cho gia đình biết nhưng vẫn liên lạc bằng điện thoại những lúc không ở nhà, anh H đi về thất thường theo công việc làm thuê không cố định việc cụ thể nhưng vẫn có hộ khẩu ở bản Phang, xã Chiềng Đông, huyện TG. Hội đồng xét xử xét thấy chị V và anh H đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, chị V hiện đã đưa con chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian ly thân giữa chị V và anh H không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, không có tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, anh H đã được gia đình thông báo cho biết việc chị V xin ly hôn với anh nhưng anh H không có ý kiến gì phản đối. Việc chị V xin ly với anh H phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh H.

**[5]. Về con chung:** Chị V và anh H có 01 con chung là cháu Lò Thị Yến Nh, sinh ngày 26/12/2016. Vợ chồng ly hôn chị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại văn bản xác nhận mà chị V cung cấp cho Tòa án ngày 16/4/2020 chị V có nguyện vọng nuôi con và có chứng minh nguồn thu nhập về điều kiện nuôi con. Xét đề nghị của chị V là phù hợp với quy định của pháp luật, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại Tòa án cũng như không có bất cứ ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nh, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Nh cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại

Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:** Không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**[7]. Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy Nhên chị V là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản B, xã QT, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị V được miễn án phí DSST.

**[8].** Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Nguyên đơn chị Cà Thị V được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn H.

**2. Về con chung:** Giao cháu Lò Thị Yến Nh, sinh ngày 26/12/2016 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh thành niên và có khả năng lao động. Chị V không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lò Văn H lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Cà Thị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lò Văn H.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng:** Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Cà Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Cà Thị V và anh Lò Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Quài Tở;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đình Hiếu**

